

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
K8 – LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN K8 - LÀO CAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Thanh Nguyên và bà Vũ Thị Hồng Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tráng Khá Phìn - Thư ký Tòa án nhân dân K8 – Lào Cai.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân K8 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị La Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn B M, xã M, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lục Văn T1, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn B M, xã M, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2025; bản tự khai đề ngày 31 tháng 7 năm 2025; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị La Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị T và anh Lục Văn T1 tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2005, không đăng ký kết hôn. Ngày 10/4/2006 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Lào Cai). Sau kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện chồng chị ngoại tình, chị bắt được chồng chị nhắn tin, gọi điện tình cảm nam nữ với người phụ nữ khác, chị có nhắc nhở nhưng chồng chị không chịu chấm dứt; ngoài ra, vợ chồng chị cũng bất đồng về suy nghĩ, về lối sống, phong cách sống không thể hòa hợp, quan điểm làm ăn kinh tế không thống nhất nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng chị trầm trọng vào cuối năm 2023, do mâu thuẫn vợ chồng dồn nén nhiều năm không có giải pháp

nào để giải quyết được, vợ chồng chị đã mắng chửi nhau thậm tệ, vợ chồng bỏ mặc nhau, việc ai người đấy làm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Từ cuối năm 2023 đến nay, vợ chồng chị vẫn sống chung nhà nhưng mỗi người ngủ một phòng riêng, không quan tâm tình cảm gì đến nhau, kinh tế của ai người đấy tự lo liệu, tự chi tiêu. Thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay, không quan hệ tình cảm gì đến nhau nữa. Tuy nhiên, vợ chồng chị vẫn thường xuyên cãi chửi nhau, xúc phạm và không tôn trọng nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng nên tháng 10/2024, chị đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lục Văn T1, khi Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án thì các con của anh chị đều tha thiết mong bố mẹ không ly hôn nên chị đã rút đơn khởi kiện, không ly hôn nữa. Tuy nhiên, từ khi chị rút đơn khởi kiện, vợ chồng chị chưa một ngày nào hòa hợp với nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, khắc phục nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lục Văn T1.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị La Thị T và anh Lục Văn T1 có hai người con chung là cháu Lục Minh Q, sinh ngày 04/7/2006 và cháu Lục Vạn X, sinh ngày 24/9/2008. Các cháu đều phát triển khỏe mạnh, bình thường. Đối với cháu Lục Minh Q đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lục Vạn X cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Chị La Thị T là lao động tự do; công việc chính là trồng trọt, chăn nuôi tại gia đình, thu nhập trung bình được 7.000.000 đồng/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng con chung của anh chị là 2.000.000 đồng/tháng nên chị đều đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị La Thị T và anh Lục Văn T1 có tạo dựng được một số tài sản chung; khi ly hôn, chị T để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Trong thời gian chung sống, chị La Thị T và anh Lục Văn T1 không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai đề ngày 01 tháng 8 năm 2025, bị đơn anh Lục Văn T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lục Văn T1 và chị La Thị T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2005, không đăng ký kết hôn. Ngày 10/4/2006 vợ chồng anh tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Lào Cai). Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T1 bắt gặp vợ gọi điện cho một người đàn ông khác nên anh nghĩ là vợ anh

gọi điện cho người tình. Vì vậy anh đã tức giận, vợ chồng anh đã chửi nhau nên anh đã dọn quần áo sang phòng khác để ở từ đầu năm 2023 đến nay. Từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng anh không ngủ cùng với nhau nữa. Ngoài ra, năm 2018 vợ anh cũng ghen tuông vô cớ cho rằng anh nhắn tin, gọi điện, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Cùng với việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế nên chung sống với nhau không hòa thuận, không hạnh phúc. Do vợ chồng anh cãi chửi nhau nên cuối năm 2024, vợ anh đã nộp đơn ly hôn với anh nhưng anh không đồng ý ly hôn. Sau đó vì con cái nên vợ anh đã rút đơn về, từ khi rút đơn về thì vợ chồng anh vẫn ngủ riêng. Từ khi anh vay tiền mua máy cày để đi cày thuê kiếm tiền, vợ anh không đồng ý nên vợ chồng anh càng mâu thuẫn. Nay vợ anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh không nhất trí ly hôn vì anh sống mà không nhìn thấy vợ thì anh không sống được; anh chỉ cần vợ chồng ở nhà với nhau là được, không ngủ chung nhau cũng được.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh Lục Văn T1 và chị La Thị T có hai người con chung là cháu Lục Minh Q, sinh ngày 04/7/2006 và cháu Lục Vạn X, sinh ngày 24/9/2008. Các cháu đều phát triển khỏe mạnh, bình thường. Đối với cháu Lục Minh Q đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh không nhất trí ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Anh Lục Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về công nợ chung: Anh Lục Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do tại phiên họp, phiên tòa.

3. Ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Lục Vạn X có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị La Thị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị La Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Lục Văn T1 có địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân K8 – Lào Cai. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị La Thị T và anh Lục Văn T1 là hợp pháp. Chị La Thị T và anh Lục Văn T1 tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2005, không đăng ký kết hôn. Ngày 10/4/2006 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Lào. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng ghen tuông lẫn nhau, không tin tưởng nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc và làm ăn kinh tế. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ năm 2023 vợ chồng đã ngủ riêng, sống ly thân, không quan tâm tình cảm gì đến nhau. Tháng 10/2024, chị T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1 nhưng vì các con nên chị T đã rút đơn khởi kiện nhưng tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng vẫn ngủ riêng và sống ly thân đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án này, anh T1 không đến Tòa án để giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa không có lý do. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị La Thị T được ly hôn với anh Lục Văn T1.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị La Thị T và anh Lục Văn T1 có hai người con chung là cháu Lục Minh Q, sinh ngày 04/7/2006 và cháu Lục Vạn X, sinh ngày 24/9/2008. Các cháu đều phát triển khỏe mạnh, bình thường. Đối với cháu Lục Minh Q đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu X cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Nhận thấy, chị La Thị T là lao động tự do, công việc chính là trồng trọt, chăn nuôi tại gia đình, thu nhập trung bình được 7.000.000 đồng/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng con chung của anh chị là 2.000.000 đồng/tháng, đã được địa phương xác nhận nên chị T đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu X cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị La Thị T và anh Lục Văn T1. Quan hệ hôn nhân của La Thị T và anh Lục Văn T1 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Lục Vạn X, sinh ngày 24/9/2008 cho chị La Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lục Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị La Thị T phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000491 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị La Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND K8 – Lào Cai (2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Minh Lương, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sầm Thị Tươi

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- CCTHADS huyện Văn Bàn;
- UBND xã Nàn Sán
và UBND xã Quan Hồ Thẩn,
huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

